

Số: 52 /BC-MNTV

Tân Việt, ngày 1 tháng 11 năm 2024

**CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT  
NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1.1. Tên cơ sở giáo dục**

Trường mầm non Tân Việt

**1.2 Địa chỉ trụ sở**

Địa chỉ: xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, Tỉnh HD

Điện thoại: 0329999959

Email: th-mntanviet@haiduong.edu.vn

Website: [http:// th-mntanviet@haiduong.edu.vn](http://th-mntanviet@haiduong.edu.vn)

**1.3 Loại hình cơ sở giáo dục**

Trường mầm non Tân Việt

**1.4 Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu**

**Sứ mạng:** Chúng tôi, hướng đến xây dựng một môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương - hạnh phúc; Mỗi trẻ em, đến trường đều được chăm sóc tận tình, được tôn trọng, được thể hiện bản thân, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện. Góp phần hình thành nhân cách, giúp trẻ trở thành một công dân toàn cầu xuất sắc.

Chúng tôi, tạo dựng một đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên giàu lòng nhân ái, làm việc theo hiến pháp, pháp luật, vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ. Có tinh thần trách nhiệm và sự tận tâm đến từng trẻ. Là sự kết tinh của đạo đức - trí tuệ - bản lĩnh với 5 giá trị cốt lõi “ Trách nhiệm - Kỷ cương - Tôn trọng - Yêu thương - Chia sẻ”.

Chúng tôi, xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa gia đình, nhà trường và xã hội cùng chung tay vun đắp cho thế hệ trẻ mầm non được phát triển tối đa khả năng của trẻ với phương châm “ Trao yêu thương – nhận hạnh phúc”.

**Tầm nhìn:** Trường MN Tân Việt trở thành điểm đến tin cậy, là nơi gửi trọn niềm tin về sự chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ của phụ huynh với sự cam kết của nhà trường luôn nỗ lực xây dựng môi trường giáo dục dành cho trẻ và là của trẻ. Chúng tôi, khẳng định rằng “Tất cả trẻ em của trường mầm non Tân Việt đều là con chúng tôi - mỗi trẻ đến trường đều là những em bé hạnh phúc nhất, được đón nhận tình yêu thương của cô giáo và các bạn”.

**Mục tiêu:** Bồi đắp cho trẻ tình yêu thương, sự chia sẻ, hợp tác, hình thành và nuôi dưỡng tư duy tích cực với mục tiêu phát triển toàn diện cho trẻ về thể chất, nhận thức,

ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

### 1.5. Quá trình hình thành và phát triển

- Trường Mầm non Tân Việt được thành lập từ năm 1968, từ khi thành lập trường đến năm 1997 mới có Quyết định của UBND huyện về việc thành lập trường. Sau được đổi thành trường mầm non bán công Tân Việt, ngày 18/7/2012 trường được đổi sang trường công lập theo Quyết định số 2744 /QĐ-UBND huyện Thanh Hà ngày 13/8/2012. Quyết định chuyển đổi toàn bộ trường mầm non bán công sang công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2012.

Sau nhiều năm phát triển và xây dựng, nhiều năm liền liên tiếp nhà trường đạt danh hiệu tập thể LĐTT. Nhiều cá nhân đạt danh hiệu CSTĐCCS, LĐTT và được nhận bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND huyện Thanh Hà. Năm 2016 nhà trường được đón bằng công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ I, đạt kiểm định chất lượng mức độ II. Năm 2021 nhà trường đạt kiểm định chất lượng mức độ II sau 5 năm.

### 1.6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Mạc Thị Lân

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Tân Việt.

Điện thoại: 0399999959

Email: th-mntanviet@haiduong.edu.vn

### 1.7 Tổ chức bộ máy

Quyết định số 2744 /QĐ-UBND huyện Thanh Hà ngày 13/8/2012 Quyết định chuyển đổi toàn bộ trường mầm non bán công sang công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2012.

Quyết định số 03 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc kiện toàn Hội đồng trường mầm non Tân Việt.

#### \* Danh sách thành viên Hội đồng trường.

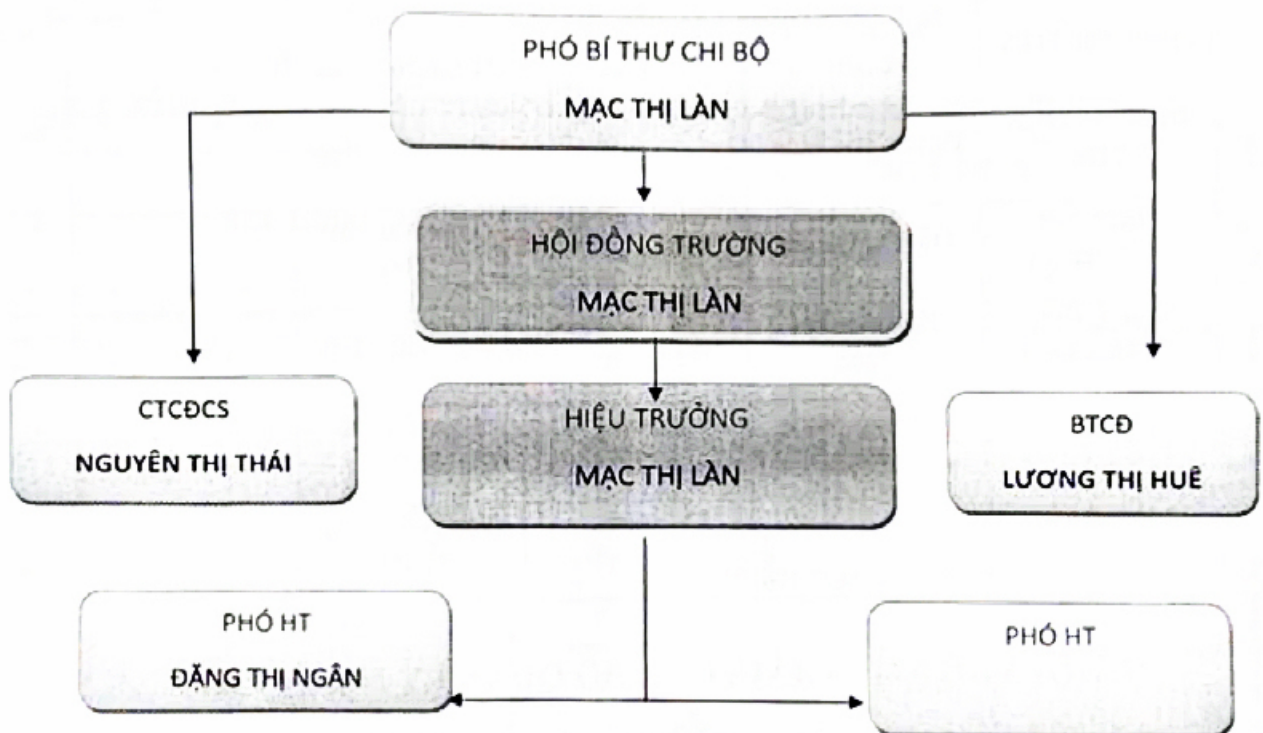
STT	Họ và tên	Chức vụ Nhà trường	Chức vụ Hội đồng
1	Mạc Thị Lân	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Đặng Thị Ngân	Phó hiệu trưởng	Thư ký HĐ
3	Nguyễn Thị Duyên	Phó chủ tịch UBND xã	Thành viên
4	Nguyễn Thị Vân Anh	Tổ trưởng chuyên môn Tổ 5 tuổi	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổ trưởng chuyên môn tổ 4 Tuổi	Thành viên
6	Lương Thị Huê	Tổ trưởng chuyên môn tổ 3 Tuổi	Thành viên

7	Ngô Thị Tinh	Tổ trưởng chuyên môn Nhà trẻ	Thành viên
8	Nguyễn Thị Thái	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
9	Nguyễn Thị Nguyệt	Trưởng ban Đại diện CMHS	Thành viên

Quyết định số 3323 /QĐ-UBND huyện ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND Huyện Thanh Hà về việc bổ nhiệm lại chức danh Hiệu trưởng trường MN Tân Việt.

**\*Sơ đồ bộ máy nhà trường**

**UBND HUYỆN THANH HÀ**  
**TRƯỜNG MẦM NON TÂN VIỆT**



**TỔ CHUYÊN MÔN + HÀNH CHÍNH**

Tổ 5 tuổi	Tổ 4 tuổi	Tổ 3 tuổi	Tổ nhà trẻ	Tổ văn phòng	Tổ nuôi dưỡng, Bảo vệ
Nguyễn Thị Vân Anh	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nguyễn Thị Cảnh	Nguyễn Thị Phương Thanh	Mạc Thị Lân	Nguyễn Thị Tuyền
Nguyễn Thị Duyên	Nguyễn Thị Kim Dung	Phạm Thị Hiền	Phạm Thị Huệ	Đặng Thị Ngân	Ngô Thị Tươi
Nguyễn Linh Thảo	Nguyễn thị Hương	Lương Thị Huệ	Nguyễn Thị Hiền	Vũ Thị Huệ	Phạm Thị Oanh
Phạm Thị Thuý	Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Thị Nhung	Ng Thị Phương Anh		Nguyễn Thị Quyên
Định Thị Bích Liên	Phạm Thị Thuý	Nguyễn Thị Vân	Phạm Thị Nga		Ngô Bá Sáng
Phạm Thị Thơm	Đỗ Thị Quyên	Phạm Thị Thuý	Nguyễn Thị Thu		
Nguyễn Thị Thành	Nguyễn Thị Oanh	Tiêu Thị Ngọc Lanh	Ngô Thị Tinh		
Nguyễn Thị Huyền	Đỗ Thị Thuý Trang	Nguyễn Thị Anh	Nguyễn Thị Hoài		
			Nguyễn Hồng Thanh		

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ NHÂN VIÊN

### 2.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Chưa đào tạo
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	
	Tổng số giáo viên CBQL và nhân viên	42			34	4	0	0
I	Giáo viên	35			31	4		

1	Nhà trẻ	9		7	2		
2	Mẫu giáo	26		24	2		
II	Cán bộ quản lý	2		2			
1	Hiệu trưởng	1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1		1			
III	Nhân viên	6		1		0	5
1	Nhân viên văn thư	0					
2	Nhân viên kế toán	1		1			
3	Thủ quỹ	0					
4	Nhân viên y tế	0					
5	Nhân viên cấp dưỡng	4				0	4
6	Bảo vệ	1					1

## 2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	2	100%
2	Giáo viên	35	100%

## 2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	2	100%
2	Giáo viên	35	100%
3	Nhân viên	1	100%
	Nhân viên nuôi dưỡng, bảo vệ	5	100%

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm 2024-2025	Yêu cầu theo quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	6339 m <sup>2</sup>	

	Điểm trường	02	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	16m <sup>2</sup>	
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng		
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ		
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	17	
	Phòng vệ sinh	17	
	Phòng ngủ		
	Phòng khác		
2.2	Khối phòng tổ chức ăn		
	Nhà bếp	01	
	Nhà kho	2	
	Phòng khác		
2.3	Khối phòng hành chính, quản trị		
	Phòng hiệu trưởng	01	
	Phòng phó hiệu trưởng	02	
	Văn phòng trưởng	01	
	Phòng họp	01	
	Phòng y tế	01	
	Phòng nhân viên	01 (KT)	
	Phòng khác	01 (BV)	
2.4	Khối công trình công cộng		
	Nhà xe giáo viên	02	
	Phòng khác		
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	17 bộ	
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	11	
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	26	
	Tivi	17	
	Nhạc cụ	2	
	Máy photo	1	
	Đầu video/đầu đĩa		
	Máy vi tính văn phòng	04	

#### IV KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường xây dựng lộ trình tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở vào tháng 7/2026.

#### V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

##### 1. Kế hoạch tuyển sinh

Nhóm lớp	Kế hoạch UBND Huyện giao		Trẻ khuyết tật
	Số lớp	Số trẻ	
<b>I. Khối nhà trẻ</b>			
24-36 tháng	4	135	
<b>II. Khối mẫu giáo</b>			
3-4 tuổi	4	130	
4-5 tuổi	4	148	
5-6 tuổi	4	145	1
<b>Tổng số</b>	<b>19</b>	<b>558</b>	

## 2. Kế hoạch chăm sóc giáo dục

STT	Nội dung	Năm học 2024 -2025
1	Tổng số lớp	17
2	Tổng số trẻ	558
3	Số trẻ bình quân nhóm lớp	
	Nhà trẻ	33
	Mẫu giáo	33
4	Số trẻ học 2 buổi/ ngày	558
5	Số trẻ được ăn bán trú	558
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng bản đồ tăng trưởng và KSK định kỳ	558
7	Kết quả thực hiện PCGD trẻ 5 tuổi	Đạt
8	Số trẻ khuyết tật	1

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Công khai các khoản thu - chi trong năm liền kề trước thời điểm báo cáo ( Năm 2023)

#### 1.1. Nguồn ngân sách nhà nước

*DVT: Đồng*

Số tiền ngân sách nhà nước cấp	Nội dung chi	Số tiền
4.391.076.000.	Tình hình tài chính (Các khoản chi phân theo):	4.391.076.000.

Chi tiền lương và các khoản phụ cấp, trợ cấp khác cho GV từ nguồn ngân sách nhà nước	3.764.964.224.
Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất từ nguồn ngân sách nhà nước, chi dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng...	619.549.276.
Chi cho các đối tượng chính sách ( học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh khuyết tật	6.562.500.
Số dư cuối năm : 0 đồng	

### 1.2. Nguồn thu học phí năm 2023

DVT: Đồng

Số thu trong năm	Nội dung chi	Số tiền
<b>Tổng số tiền được sử dụng trong năm: 699.844.613</b> <b>Trong đó: Dư năm trước: 141.222.613.</b> <b>-Thu trong năm: 558.622.000</b>	<b>Tình hình tài chính (Các khoản chi phân theo):</b>	
	Chi tiền lương và các khoản phụ cấp, trợ cấp khác cho GV từ nguồn học phí	101.548.000
	Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất từ nguồn học phí, chi dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, chi phí thuê mướn từ nguồn học phí	360.443.311
	<b>Số dư cuối năm 2023</b>	<b>237.853.302</b>

### 1.3 Công khai thu, chi các khoản thu theo qui định thoả thuận, thu khác năm học: 2023-2024

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu		Ghi chú
			Nhà trẻ	Mẫu giáo	
	<b>I. Các khoản theo quy định</b>				
1	Học phí (NQ 17/2024/NQHĐND) (5 tuổi không thu)	d/HS/tháng	125.000	105.000	- Căn cứ Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế
	<b>II. Các khoản thu thỏa thuận</b>				
1	Tiền ăn: 17.000 d/ ngày x 22 ngày	d/HS/tháng	391.000	391.000	



2	Phụ phí bán trú	đ/HS/tháng	60.000	60.000	quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương;
3	Chăm sóc, phục vụ bán trú	đ/HS/tháng	220.000	220.000	
4	Đồ dùng vệ sinh	đ/HS/tháng	20.000	20.000	
5	Đồ dùng bán trú (Từ thời điểm ăn bán trú đến hết khoá học)	đ/HS/năm	200.000	200.000	
6	Nước uống	đ/HS/tháng	7.000	7.000	
7	Đồ dùng đồ chơi và học liệu (cả năm học)	đ/HS/năm học	Nhà trẻ: 170.000 đ 3T: 220.000 đ 4 T: 220.000 đ 5 T: 260.000 đ		
8	Tiếng anh	đ/HS/tháng thực học	40.000 đ		
9	Bảo hiểm thân thể	đ/HS/năm học	200.000đ		

#### 1.4. Cụ thể đã quyết toán xong trong năm học 2023-2024:

TT	Tên các khoản thu	Tổng thu	Tổng chi
1	Tiền ăn: 17.000 đ/ ngày x 22 ngày	2.140.070.541	2.140.070.541
2	Quĩ Bán trú	2.140.070.541	2.140.070.541
3	Đồ dùng vệ sinh	49.260.000	49.260.000
4	Nước uống	30.473.000	30.473.000
5	Đồ dùng đồ chơi và học liệu (cả năm học) (Đã thu theo nghị quyết 08)	112.980.000	112.980.000
6	Tiếng anh	89.979.000	89.979.000
7	Bảo hiểm thân thể	102.800.000	102.800.000

Thực hiện nhiệm vụ đột phá của nhà trường “Nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh huy động trẻ ra lớp”.

Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em. Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; phòng chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai dịch bệnh. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN.

Đảm bảo các điều kiện trường lớp, CSVC, đội ngũ. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường lớp. Đảm bảo quy mô nhóm lớp theo chỉ tiêu huyện giao. Tăng cường CSVC, nâng cao chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia và phát triển đội ngũ CBQL, GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục PCGDMNTNT; chuẩn bị cho phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi: Tỷ lệ huy động phần đầu đạt: 98% đối với trẻ Nhà trẻ; 47% đối với trẻ mẫu giáo (5 tuổi 100%); đảm bảo 100% trẻ học 2 buổi/ngày, ăn bán trú tại trường, phân tách đúng độ tuổi, thực hiện có hiệu quả chất lượng chương trình GDMN, không dạy trước chương trình đối với trẻ 5 tuổi. Không để trẻ 5T học tại các CSGDMN độc lập không đủ điều kiện theo quy định

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Kiện toàn tổ CNTT và truyền thông, xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024-2025. 100% các nhóm lớp có tivi được kết nối mạng internet tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý, tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Phát động phong trào thi đua, đẩy mạnh công tác truyền thông: CBGVNV thực hiện tốt phong trào thi đua “ Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh”. Cán bộ công chức, viên chức ngành GDĐT thi đua thực hiện văn hóa công sở. Thực hiện tốt chủ đề năm học của toàn ngành “Kỷ cương, trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng” phấn đấu đạt các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân.

Công tác thanh tra, kiểm tra: Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá giáo viên theo hướng hiệu quả, đề cao vai trò giám sát, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho GV.

Trên đây là báo cáo công khai theo Thông tư 09/2024 của Bộ giáo dục đào tạo của trường mầm non Tân Việt.

**Nơi nhận**

- PGDDT;
- Ban đại diện hội CMHS;
- CBGVNV;
- Lưu VT.

